

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN KHOA SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG VỀ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Nguyễn Thái Ngọc Hà - Trường Đại học An Giang

Ngày nhận bài: 24/01/2017; ngày sửa chữa: 27/02/2017; ngày duyệt đăng: 15/03/2017.

Abstract: The purpose of this research is to raise student's awareness of copyright in scientific research. A recent survey of 303 students in the faculty of pedagogy, An Giang University, showed that most students only know some basic requirements about the copyright in scientific research, most of the students feel confusing and don't know how to apply the knowledge about copyright into their studies. More specifically, they don't know how to quote a sentence properly to avoid plagiarism, or they even don't know how to write references correctly. Therefore, the strengthening of educational activities for raising the awareness of students of copyright in scientific research is very necessary.

Keywords: Awareness, student, faculty of pedagogy, copyright, scientific research.

1. Mở đầu

Theo điều 4 của **Luật Sở hữu trí tuệ** năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), "*Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm (TP) do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu" bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Theo đó, tác giả phải được ghi tên trên bản gốc, bản sao TP, được nêu tên khi biểu diễn, phát sóng TP; mọi hành vi sao chép, mạo danh, phổ biến, chuyển nhượng TP mà không có sự đồng ý của tác giả đều là hành vi vi phạm pháp luật. Việc thực thi nghiêm túc quyền của tác giả trong lĩnh vực khoa học công nghệ không chỉ đáp ứng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế trong quá trình hội nhập, mà còn bảo vệ được quyền lợi, động viên các cá nhân sáng tạo, mang lại nhiều ích lợi về KT-XH cho đất nước.

Trong nghiên cứu khoa học (NCKH), tôn trọng quyền tác giả là một trong những yêu cầu cơ bản khi công bố các công trình ở tất cả các cấp. Tuy nhiên, ở nhiều trường đại học, việc xây dựng ý thức tôn trọng quyền tác giả cho sinh viên (SV) vẫn chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến tình trạng các em sử dụng toàn văn, trích từng đoạn nhưng không dẫn nguồn, hoặc tự ý sao chép lại dưới hình thức rút gọn kết quả nghiên cứu của các tác giả khác đưa vào tiêu luận, khóa luận, bài báo nghiên cứu của bản thân.

Thực tế ở Trường Đại học An Giang hiện nay vẫn chưa nghiên cứu về nhận thức của SV về quyền tác giả trong NCKH. Vì thế, nghiên cứu vấn đề này trong SV của các ngành đào tạo giáo viên ở Trường Đại học An Giang sẽ có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn, là vấn đề có tính thời sự trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Khảo sát được thực hiện trong thời gian 2 tháng (từ tháng 8/2015 đến tháng 10/2015) tại 10 ngành đào tạo sư phạm (Toán học, Vật lí, Hóa học, Ngữ Văn, tiếng Anh, Lịch sử, Địa lí, Sinh học, Giáo dục chính trị, Giáo dục tiểu học), với việc điều tra thông qua bảng hỏi 320 SV.

Phân tích định lượng cơ bản sẽ gồm thống kê mô tả về tần suất, tỉ lệ và các phép thử về mối tương quan giữa các biến số. Việc kiểm định mối liên hệ giữa các biến số chủ yếu được thực hiện bằng kiểm định Chi-bình phương (với việc lập bảng chéo Crosstab để tìm hiểu mối quan hệ). Nếu $\text{sig.} < 0,05$, có thể kết luận việc kiểm định có ý nghĩa với độ tin cậy 95%, tức là các biến số có mối liên hệ với nhau, từ đó nhóm nghiên cứu dựa vào tỉ lệ phần trăm theo cột trong bảng chéo để mô tả sự liên hệ này.

Đối với câu hỏi sử dụng thang đo Likert 5 điểm. Mỗi điểm trong thang đo sẽ tương ứng với các mức đánh giá: 1 = Rất đồng ý/Thường xuyên/Rất cần thiết, 2 = Đồng ý/Thỉnh thoảng/Cần thiết, 3 = Phân vân/Ít khi/Ít cần thiết, 4 = Không đồng ý/Hiếm khi/Không cần thiết, 5 = Rất không đồng ý/Chưa bao giờ/Rất không cần thiết. Giá trị trung bình đối với thang đo được tính theo giá trị khoảng cách $(\text{Maximum} - \text{minimum})/n = (5 - 1)/5 = 0,8$ giữa các mức đánh giá. Với thang đo 5 mức độ có thể cho biết các mức đánh giá như sau: 1,00-1,80: Rất đồng ý/Thường xuyên/Rất cần thiết; 1,81-2,60: Đồng ý/Thỉnh thoảng/Cần thiết; 2,61-3,40: Phân vân/Ít khi; 3,41-4,20: Không đồng ý/Hiếm khi/Không cần thiết; 4,21-5,00: Rất không đồng ý/Chưa bao giờ/Rất không cần thiết.

Nghiên cứu cũng sử dụng hệ số tin cậy Cronbach Alpha và phương pháp phân tích nhân tố khám phá

(EFA) để đánh giá thang đo các yếu tố ảnh hưởng, tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ nhận thức của SV về quyền tác giả trong NCKH thông qua việc nhóm các biến quan sát có tương quan mạnh, cùng nội dung với nhau.

2.2. Kết quả nghiên cứu về nhận thức của SV đối với quyền tác giả trong NCKH

Nghiên cứu định lượng được thực hiện với 320 SV, tỉ lệ hồi đáp trực tiếp là 94,7%, tương ứng với 303/320 phản hồi có giá trị.

2.2.1. Tự đánh giá của SV về mức độ nhận thức quyền tác giả trong NCKH. Kết quả khảo sát cho thấy: 37,4% SV khẳng định có thể nhận biết được các nội dung cơ bản về quyền tác giả trong NCKH; 16,8% SV có thể tự diễn giải lại các nội dung được đề cập trong quyền tác giả theo cách hiểu của bản thân và liên hệ vào thực tế; 45,8% SV cho rằng bản thân có khả năng vận dụng quyền tác giả trong hoạt động NCKH để không vi phạm các quy định của pháp luật. Như vậy, đa số SV vẫn còn e dè và thiếu tự tin khi vận dụng quyền tác giả trong lĩnh vực NCKH để không vi phạm các quy định của pháp luật. Đối với mức độ nhận thức đầu tiên là nhớ (nhận biết), thống kê mô tả cho thấy:

Bảng 1. Thống kê mô tả số lượng SV tự đánh giá có khả năng nhận biết đối với từng nội dung về quyền tác giả trong lĩnh vực NCKH

TT	Nội dung	Số lượng (n = 191)	Tỉ lệ (%)
1	Biết các loại hình TP được bảo hộ quyền tác giả	122	63,9
2	Biết thời điểm bắt đầu bảo hộ quyền tác giả	173	90,6
3	Biết các hành vi vi phạm quyền tác giả	125	65,4
4	Biết các trường hợp sử dụng TP không phải xin phép tác giả	177	92,7
5	Biết hình thức xử lý đối với trường hợp trích dẫn khi không ghi rõ nguồn gốc TP	80	41,9
6	Biết thế nào là trích dẫn hợp lý trong NCKH	119	62,3

Đa số SV cho rằng, có thể nhận biết được từng nội dung có liên quan đến quyền tác giả trong NCKH (bao gồm thời điểm bắt đầu bảo hộ quyền tác giả, các trường hợp sử dụng TP đã được công bố, các hành vi vi phạm quyền tác giả và cách trích dẫn hợp lý trong NCKH). Đối với các biện pháp xử lý vi phạm trích dẫn nhưng không

ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ TP, đa số SV không biết (chiếm tỉ lệ khá lớn 58,1%) cách xử lý. Do vậy, các khoa cần phổ biến cho SV nắm rõ biện pháp xử lý vi phạm trường hợp này theo luật định, song song với việc phổ biến hình thức xử lý vi phạm theo quy định của nhà trường, bởi SV thường mắc lỗi về trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo trong quá trình NCKH. Việc không thông tin đầy đủ nguồn gốc, xuất xứ TP dù cố ý hay vô tình đều là hành vi vi phạm pháp luật và cần được xử lý.

2.2.2. Kết quả kiểm tra 3 mức độ nhận thức đầu tiên theo Thang Anderson của SV về quyền tác giả trong NCKH

2.2.2.1. Mức độ nhớ

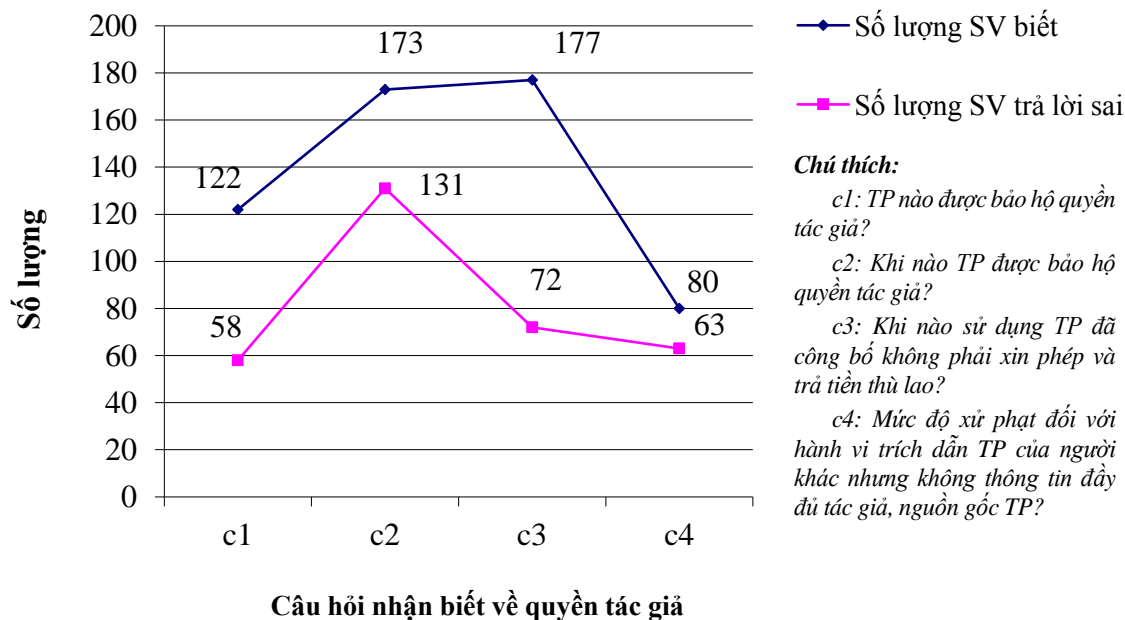
Bảng 2. Thống kê số lượng SV trả lời sai các nội dung cơ bản về quyền tác giả trong NCKH

TT	Nội dung câu hỏi	Số lượng SV trả lời sai	Tỉ lệ (%)
1	TP nào được bảo hộ quyền tác giả?	58/122	47,5
2	Khi nào TP được bảo hộ quyền tác giả?	131/173	75,7
3	Khi nào sử dụng TP đã công bố không phải xin phép tác giả và không trả tiền thù lao?	72/177	40,7
4	Mức độ xử phạt đối với hành vi trích dẫn TP của người khác nhưng không thông tin đầy đủ về tác giả, nguồn gốc TP?	63/80	78,8

Qua kiểm tra kiến thức của SV về các loại TP được bảo hộ quyền tác giả cho thấy, 58/122 (47,5%) SV cho rằng biết nội dung này đã trả lời sai, đối tượng nhầm lẫn các loại tin tức trên báo, đài, các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính được bảo hộ quyền tác giả. Khi đặt vấn đề với SV về thời điểm TP bắt đầu được bảo hộ quyền tác giả, có đến 131/173 (75,7%) SV đã trả lời không chính xác, các em nhầm lẫn giữa thời điểm đăng kí và thời điểm phát sinh quyền được bảo hộ đối với TP. Theo quy định của pháp luật, quyền tác giả được phát sinh tại thời điểm TP được sáng tác và tồn tại dưới một dạng vật chất nhất định, nghĩa là dù TP đó đã đăng kí quyền tác giả hay chưa thì vẫn được pháp luật bảo hộ quyền. Do đó, khi sử dụng TP, SV cần được thông tin đầy đủ về tác giả, nguồn gốc xuất xứ TP để tránh vi phạm các quy định của pháp luật về quyền tác giả. Việc không nhận thức đầy đủ, chính xác vấn đề này sẽ khiến SV

không chú ý đến việc trích dẫn đúng quy định, sử dụng sản phẩm trí tuệ của người khác như chính sản phẩm trí tuệ của mình.

lời biết các vấn đề trên và thực tế kiến thức các em có được về các nội dung có liên quan thông qua *biểu đồ 1* sau:



Biểu đồ 1. So sánh kết quả tự đánh giá khả năng nhận biết và kiến thức của SV về quyền tác giả trong NCKH

Theo khoản 1 và 2 điều 25 của **Luật Sở hữu trí tuệ** (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), để sử dụng TP đã công bố không phải xin phép và không phải trả tiền thù lao cho tác giả, cá nhân chỉ được sao chép một bản nhằm mục đích NCKH hoặc sử dụng để bình luận, minh họa trong TP của mình, nhưng không dẫn sai ý của tác giả, đồng thời phải thông tin về tên tác giả và ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ ở phần tài liệu tham khảo. Tuy nhiên, có đến 72/177 (40,7%) SV chưa nắm được rằng: dù để bình luận hay minh họa trong TP của mình đều phải thông tin đầy đủ tên tác giả, nguồn gốc, xuất xứ TP và chỉ được sao chép một bản, không được sao chép thành nhiều bản khác nhau. Đây là vấn đề cần nhìn nhận một cách nghiêm túc để có hướng điều chỉnh nhận thức và hành vi của SV cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp trích dẫn TP của người khác nhưng không thông tin đầy đủ tên tác giả, nguồn gốc, xuất xứ sẽ bị xử phạt như thế nào? Đối với câu hỏi này, có 63/80 SV đã trả lời không chính xác (chiếm tỉ lệ 78,8%), đa số cho rằng không bị xử phạt hoặc nặng hơn chỉ là bị nhắc nhở. Có thể làm một phép so sánh nhỏ giữa số lượng SV trả

Biểu đồ trên đã cho thấy, các kiến thức của SV về quyền tác giả trong NCKH còn hạn chế, mặc dù có trên 50% SV biết nhưng vẫn trả lời sai và trả lời sai nhiều nhất đối với câu hỏi về mức độ xử phạt (chiếm đến 78,8%), tiếp theo là thời điểm TP bắt đầu được bảo hộ quyền tác giả (75,7%), số SV trả lời sai giảm dần đối với câu hỏi về loại TP được bảo hộ (47,5%) và điều kiện sử dụng TP đã công bố không phải xin phép (40,7%).

2.2.2.2. Mức độ hiểu. Với mục đích đánh giá mức độ hiểu của SV về quyền tác giả trong NCKH, nghiên cứu đã tiến hành kiểm định giá trị trung bình đối với quan điểm của các em liên quan đến việc sử dụng tài liệu số, ý nghĩa của việc tôn trọng quyền tác giả và các kĩ năng hoặc biện pháp tránh vi phạm quyền tác giả trong NCKH.

Quá trình kiểm định các quan điểm của SV liên quan đến việc sử dụng tài liệu số xuất phát từ thực tế, các cơ sở dữ liệu toàn văn với hệ thống tài liệu sách, luận văn, luận án trong và ngoài nước có thể tham khảo sau khi đăng kí thể thành viên; ngoài ra, SV cũng có thể tải miễn phí một số bài viết, công trình NCKH trên mạng. Cùng với việc dễ dàng tìm kiếm các tài liệu số như vậy, quan điểm của SV về việc sử dụng các tài liệu số hiện nay như thế nào? (xem *bảng 3*).

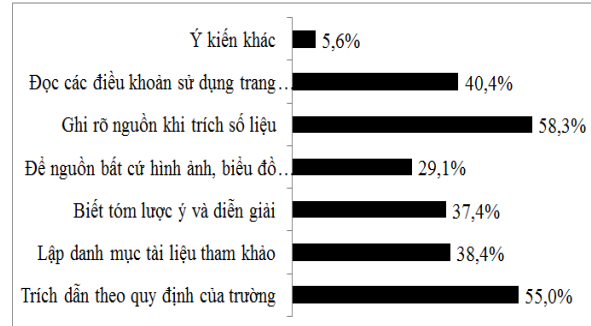
Bảng 3. Quan điểm của SV về việc sử dụng tài liệu số

Nội dung	Số mẫu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình
Mọi tri thức được tìm thấy trên Internet đều là tri thức chung, chúng ta có quyền sử dụng mà không cần chú thích nguồn	300	1	5	3,19
Đăng kí và trả tiền cho một số website để tải các bài tiểu luận hoặc công trình NCKH thì bản thân có toàn quyền sử dụng tài liệu đó mà không cần chú thích nguồn	300	1	5	3,01

Xem xét các số liệu được thể hiện trong cột giá trị trung bình cho thấy, đa số SV rất phân vân với cả hai ý kiến về việc sử dụng tài liệu số (giá trị trung bình từ 3,01 đến 3,19). Như vậy, kết quả khảo sát đã chỉ ra rằng, đa số SV vẫn chưa hiểu việc sử dụng tài liệu số như thế nào để không vi phạm quyền tác giả. Có khoảng 1/2 SV được khảo sát đồng ý với ý kiến “Đăng kí và trả tiền cho một số website để tải các bài tiểu luận hoặc công trình NCKH thì bản thân có toàn quyền sử dụng tài liệu đó mà không cần phải chú thích nguồn” (chiếm 49%), hơn 1/3 SV được khảo sát đồng ý với ý kiến “Mọi tri thức được tìm thấy trên Internet đều là tri thức chung, chúng ta có toàn quyền sử dụng mà không cần chú thích nguồn” (chiếm 37,1%). Đã có sự nhầm lẫn trong một bộ phận không nhỏ SV, đó là các TP được công bố trên Internet thuộc về sở hữu cộng đồng nên được sử dụng rộng rãi mà không có cần sự đồng ý của chủ sở hữu. Thế nhưng, bất kì TP nào nếu chưa hết thời hạn bảo hộ (sau 50 năm tác giả mất đối với quyền tài sản và vô thời hạn đối với quyền nhân thân) vẫn được bảo hộ quyền tác giả (dù TP đó được xuất bản với bất kì phương tiện nào).

Việc dễ dàng tiếp cận với đa dạng các loại tài liệu đã đặt ra một thách thức lớn ở khâu kiểm soát tình trạng vi phạm quyền tác giả trong NCKH như hiện nay, nhất là khi SV chưa hiểu về quy trình sử dụng TP của người khác vào TP của mình như thế nào cho phù hợp và đúng với quy định của pháp luật. Để tìm hiểu sâu về mức độ hiểu

của SV đối với quyền tác giả trong NCKH, vấn đề đặt ra cho các em là phải làm gì để tránh vi phạm quyền tác giả. Kết quả khảo sát như sau (xem biểu đồ 2).

**Biểu đồ 2. Tỷ lệ % ý kiến của SV về các biện pháp và kỹ năng để tránh vi phạm quyền tác giả trong NCKH**

Phần lớn SV không nắm rõ các kỹ năng cần thiết để tránh vi phạm quyền tác giả trong NCKH. Khoảng hơn 1/2 SV cho rằng phải ghi rõ nguồn khi trích số liệu (58,3%), phải trích dẫn theo quy định của nhà trường (55%), các kỹ năng và yêu cầu khác chỉ dao động từ 20-40% (lập danh mục tài liệu tham khảo, đề nguồn bất cứ hình ảnh, biểu đồ không phải của tác giả, biết tóm lược ý và diễn giải, lập danh mục tài liệu tham khảo), có 5,6% SV không biết phải làm gì.

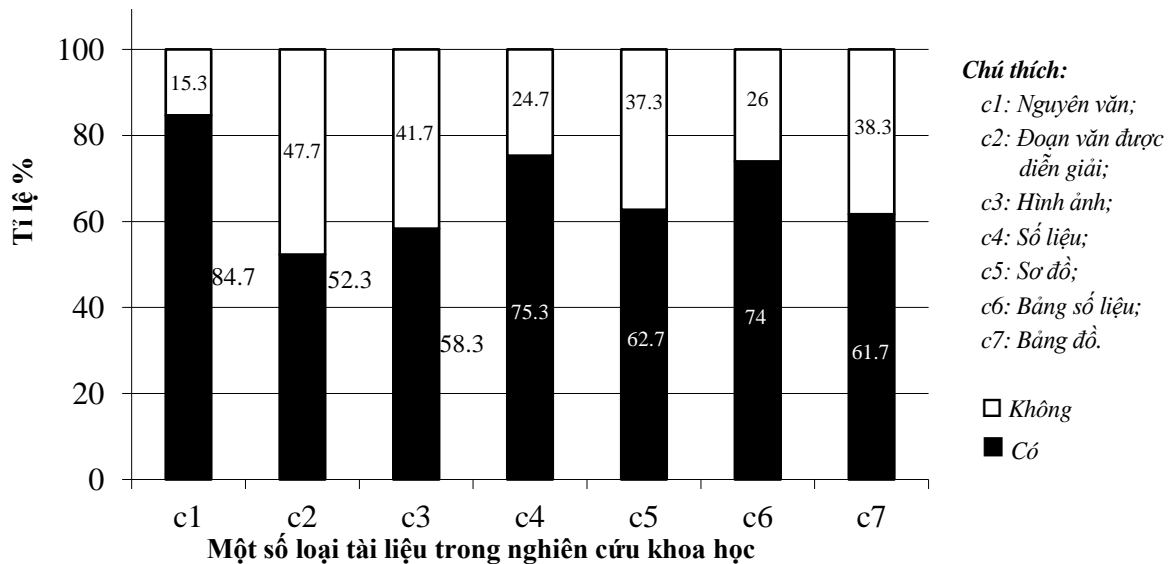
Đối với ý nghĩa của việc tôn trọng quyền tác giả trong lĩnh vực NCKH, qua kiểm định bằng T-test, các số liệu đều có ý nghĩa thống kê (sig. <0,05) (xem bảng 4).

Bảng 4. Tỷ lệ % ý kiến của SV về ý nghĩa của việc tôn trọng quyền tác giả trong NCKH

Ý kiến	Số lượng mẫu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình
Tạo động lực thúc đẩy NCKH	300	1	5	1,87
Thể hiện tính nghiêm túc của công trình nghiên cứu	300	1	4	1,87
Tăng uy tín cho công trình nghiên cứu	300	1	4	1,94
Tránh các tranh chấp về vấn đề tác quyền	300	1	4	1,93

Xem xét các số liệu được thể hiện trong cột giá trị trung bình cho thấy, đa số SV đồng ý với cả 4 ý kiến trên (giá trị trung bình từ 1,87 đến 1,94). Kết quả khảo sát

hướng dẫn của GV. Chưa có sự thống nhất về quy định trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo đối với đề tài NCKH và khóa luận của SV. Do đó, khó có thể xem



Biểu 3. Tỷ lệ % ý kiến của SV về việc ghi nguồn đối với một số loại tài liệu

cũng chỉ ra rằng, SV đánh giá khá cao vai trò của việc thực hiện quyền tác giả trong NCKH, nhất là ở khâu tạo động lực thúc đẩy SV NCKH (chiếm 89,3%).

Kết quả trên cho thấy, SV hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng quyền tác giả nhưng trong quá trình học tập và nghiên cứu, các em vẫn chưa biết cần làm gì để không vi phạm quyền tác giả.

2.2.2.3. Mức độ vận dụng. Đa số SV nhận thấy rằng trong quá trình NCKH, bản thân còn khá lúng túng với các quy định về trích dẫn (chiếm 77,6%). Nguyên nhân được các em chỉ ra là do không biết các quy định về trích dẫn, việc trích dẫn nguyên văn không dựa trên tài liệu gốc mà chủ yếu thông qua trích dẫn của người khác (không rõ tác giả, nguồn gốc, xuất xứ TP), không biết lựa chọn nguồn thông tin tin cậy để thực hiện việc trích dẫn,...

Trong quá trình học tập và nghiên cứu, SV thường không ghi nguồn đối với đoạn văn được diễn giải lại (chiếm 47,7%) và hình ảnh (chiếm 41,7%), một bộ phận không nhỏ SV không ghi nguồn đối với số liệu, sơ đồ, biểu đồ, bảng số liệu và bảng đồ (tỷ lệ dao động từ 20-40%), một bộ phận SV không ghi nguồn khi trích nguyên văn TP của người khác (chiếm 15,3%).

Tham khảo một số khóa luận của SV, chúng tôi nhận thấy, mỗi SV thực hiện trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo theo một cách khác nhau, phụ thuộc vào sự

xét việc trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo có đảm bảo yêu cầu hay không, mà chủ yếu xem xét việc thực hiện đó có đáp ứng quy định về quyền tác giả trong NCKH - tức là có thông tin đầy đủ tên tác giả, nguồn gốc xuất xứ TP hay không.

Với các số liệu vừa nêu phần nào đã phản ánh tình trạng vi phạm quyền tác giả vẫn đang phổ biến của SV Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang. Do vậy, vấn đề đặt ra là cần nâng cao nhận thức và kỹ năng của SV đối với việc thực hiện quyền tác giả trong NCKH, chất lượng đào tạo trong nhà trường.

3. Kết luận

Nhận thức của SV Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang về quyền tác giả vẫn còn khá hạn chế. Phần lớn SV chỉ dừng lại ở mức biết được những yêu cầu cơ bản về tôn trọng quyền tác giả trong NCKH (92,7% SV cho rằng biết các trường hợp sử dụng TP không phải xin phép tác giả trong tổng số 62,6% SV biết về quyền tác giả). Đa số SV không nhận biết được những vấn đề cơ bản về quyền tác giả như thời điểm phát sinh, đối tượng được bảo hộ, các trường hợp miễn trừ, một số văn bản pháp luật liên quan, chỉ có khoảng 1/3 trong tổng số 62,6% SV có thể nhận biết đúng và đầy đủ về quyền tác giả trong NCKH. Vì thiếu kiến thức nền tảng về quyền tác giả nên SV khá lúng túng khi vận dụng vào học tập và nghiên cứu, cụ thể là không

biết trích dẫn như thế nào cho đúng quy định để không bị coi là đạo lại công trình của người khác hoặc xây dựng tài liệu tham khảo như thế nào là phù hợp. Để góp phần nâng cao nhận thức của SV về quyền tác giả trong NCKH, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị sau:

1) Ban Giám hiệu nhà trường cần thiết lập và tăng cường môi trường học thuật đề cao tính trung thực và sáng tạo của cá nhân thông qua việc xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quyền tác giả trong NCKH, đồng thời chú trọng cung cấp những dịch vụ hỗ trợ SV như: hướng dẫn NCKH, công khai các công trình nghiên cứu của SV trên trang web của nhà trường và tiếp nhận các thông tin phản hồi có liên quan đến các công trình đó nhằm khuyến khích tinh thần học tập, nghiên cứu của các em.

Để trang bị cho SV những hiểu biết cần thiết về các quy định của pháp luật, ngăn chặn các hành vi vi phạm quyền tác giả, nhà trường cần xem xét lồng ghép giảng dạy về quyền tác giả trong một số học phần có liên quan như: *Giáo dục học, Nhà nước và pháp luật, Phương pháp NCKH, ...* Các hoạt động ngoại khóa có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức như: tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tọa đàm về quyền tác giả trong NCKH, ... Nhà trường có thể sử dụng trang thông tin điện tử nhằm phổ biến các kiến thức về quyền tác giả cho SV toàn trường, tổ chức các diễn đàn trao đổi trực tuyến, các trường hợp vi phạm quyền tác giả và một số cách phòng tránh.

2) Ban Chủ nhiệm khoa Sư phạm cần yêu cầu tất cả GV và SV của Khoa thống nhất thực hiện Quy định trình bày báo cáo kết quả đề tài NCKH theo Quyết định số 63/QĐ-ĐHAG của Trường Đại học An Giang. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền tác giả trong NCKH, không để xảy ra các trường hợp vi phạm quyền tác giả, hoặc thực hiện sai quy định về trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo.

3) Nhà trường cần có chế độ khuyến khích, khen thưởng đối với GV có tinh thần tự học hỏi, thực hiện tốt các quy định về quyền tác giả trong giảng dạy, NCKH và hướng dẫn SV. GV cần quan tâm sâu sát, kịp thời phát hiện SV vi phạm quyền tác giả, nhắc nhở và định hướng cho các em thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Tài liệu tham khảo

- [1] Benjamin S. Bloom (1995). *Nguyên tắc phân loại mục tiêu giáo dục, lĩnh vực nhận thức*. NXB Giáo dục.
- [2] Đoàn Đức Lương (2009). *Thực trạng và phương hướng đưa môn sơ hữu trí tuệ vào giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số 224, tr 14-16.

[3] Hoàng Trọng - Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 2)*. NXB Hồng Đức.

[4] Nguyễn Thái Ngọc Hà (2012). *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên Trường Đại học An Giang*. Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Trường. Trường Đại học An Giang: Trung tâm Nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

[5] Phạm Minh Hạc (1996). *Mười năm đổi mới giáo dục và đào tạo*. NXB Giáo dục.

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO...

(Tiếp theo trang 52)

Dấu ấn Phật giáo trong CD, TN người Việt phản ánh sự gắn bó mật thiết giữa đạo Phật và văn hóa bản địa. Những giáo lí kinh điển nhà Phật như luân hồi, nhân quả, quan niệm về chữ tâm, về hạnh phúc... được tinh lọc qua bộ lọc văn hóa dân gian đã được truyền bá sâu rộng trong nhân dân một cách phong phú, gần gũi, dễ thấm thấu đối với đa phần người dân Việt.

Như một lẽ tự nhiên, Phật giáo gần gũi và gắn kết với văn hóa bản địa nước ta và trở thành “mạch nguồn”, giá trị sâu sắc trong bản sắc truyền thống dân tộc. Để rồi khi du nhập vào Việt Nam - một mảnh đất thuần hậu, khoan dung, sẵn sàng tiếp biến những giá trị văn hóa hợp thời đại, với hạt giống trí tuệ sáng suốt và lòng từ bi vô tận của mình, Phật giáo đã ươm mầm một thứ văn hóa Phật giáo đặc trưng riêng có, đậm chất Việt Nam. Sự cộng hưởng đầy tinh tế giữa Phật giáo và văn hóa Việt, mà cụ thể ở đây là CD, TN đã ghi dấu ấn sâu sắc, có giá trị giáo dục to lớn, góp phần làm tốt Đời, đẹp Đạo và do vậy, nó có sức sống trường tồn với thời gian.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2016). *Kỉ yếu Hội thảo khoa học Triết lí nhân sinh trong văn hóa Việt Nam*. NXB Lí luận chính trị.
- [2] Nguyễn Xuân Kính (2001). *Kho tàng ca dao người Việt (tập 1)*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- [3] Vũ Ngọc Phan (2009). *Tục ngữ - ca dao - dân ca Việt Nam*. NXB Văn học.
- [4] Trần Đăng Sinh - Nguyễn Chu Sâm (2014). *Đạo làm người trong văn hóa Việt Nam*. NXB Lí luận chính trị.
- [5] Trần Quốc Vượng (2000). *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*. NXB Văn hóa dân tộc.